**LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM**

Ngày 16/6/2022, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ 3 đã thông qua Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi), có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2023, với 7 Chương, 157 Điều, bao gồm các nội dung mới sau đây:

**1. Về các định nghĩa (Điều 4):** Luật KDBH sửa đổi, bổ sung một số định nghĩa như *Hoạt động kinh doanh bảo hiểm; Kinh doanh bảo hiểm; Hoạt động đại lý bảo hiểm; Hoạt động môi giới bảo hiểm; Đồng bảo hiểm.* Trong đó đối với định nghĩa:

(i) “**Hoạt động đại lý bảo hiểm**”, Luật mới quy định 06 hoạt động mà doanh nghiệp bảo hiểm có thể ủy quyền cho đại lý thực hiện, bao gồm: tư vấn sản phẩm bảo hiểm; giới thiệu sản phẩm bảo hiểm; chào bán sản phẩm bảo hiểm; thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm; thu phí bảo hiểm; thu thập hồ sơ để phục vụ việc giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm.So với Luật cũ thì Luật mới bỏ quy định đại lý bảo hiểm “thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng bảo hiểm”;

(ii) “**Người được bảo hiểm**” là tổ chức, cá nhân có tài sản, trách nhiệm dân sự, sức khỏe, tính mạng, nghĩa vụ hoặc **lợi ích kinh tế được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm**;

(iii) “**Người thụ hưởng**” so với Luật cũ là tổ chức, cá nhân được bên mua bảo hiểm chỉ định thì Luật mới bổ sung người được bảo hiểm cũng được chỉ định Người thụ hưởng để nhận tiền bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.

***2.* Về các sản phẩm bảo hiểm bắt buộc (Điều 8)**: Luật mới quy định bao gồm: *Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới; Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; Bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng và bảo hiểm bắt buộc quy định tại luật khác đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này*. Luật mới bãi bỏ một số bảo hiểm bắt buộc như: *bảo hiểm trách nhiệm dân sự của người vận chuyển hàng không đối với hành khách; bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với hoạt động tư vấn pháp luật; bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm*.

**3. Về Tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm (HHBHVN) (Điều 10):** Bổ sung thêm quy định tại khoản 2 Điều 10: HHBHVN có trách nhiệm ban hành bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp, các quy tắc, chuẩn mực để áp dụng chung cho các thành viên của tổ chức; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

**4. Về cơ sở dữ liệu của hoạt động KDBH (khoản 1 Điều 11)**

- Luật mới bổ sung quy định: Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý và vận hành cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhằm phục vụ hoạt động quản lý nhà nước. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp thông tin về bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm, đối tượng bảo hiểm, đại lý bảo hiểm để xây dựng cơ sở dữ liệu về kinh doanh bảo hiểm.

- Luật mới có quy định về việc cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng bao gồm chủ thể và điều kiện của các chủ thể được phép cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng. Bộ Tài chính quy định chi tiết nội dung này.

**5. Về Hợp đồng bảo hiểm (Điều 15 – Điều 61)**

+ Các loại hợp đồng bảo hiểm (Điều 15): Luật mới quy định 5 loại hợp đồng bảo hiềm gồm: Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, **Hợp đồng bảo hiểm sức khỏe**, Hợp đồng bảo hiểm tài sản, **Hợp đồng bảo hiểm thiệt hại** và Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm.

+ Hình thức của hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản. Bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm là : **Hợp đồng**, Giấy chứng nhận bảo hiểm, đơn bảo hiểm hoặc hình thức khác do pháp luật quy định.

+ Về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài **phải quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm, phải giải thích rõ ràng, đầy đủ và có bằng chứng xác nhận việc bên mua bảo hiểm đã được doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài giải thích đầy đủ và hiểu rõ các nội dung này khi giao kết hợp đồng bảo hiểm**.

+ Về việc vi phạm nghĩa vụ về cung cấp thông tin, (khoản 2, khoản 3 Điều 22) DNBH và Bên mua bảo hiểm có quyền **hủy bỏ** HĐBH nếu bên còn lại cố ý cung cấp không đầy đủ thông tin hoặc cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết HĐBH.

+ DNBH được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm của khi có sự thay đổi những yếu tố dẫn đến tăng rủi ro được bảo hiểm sau khi DNBH thực hiện: **(i) tính lại phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm; (ii) Giảm số tiền bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm; (iii) Rút ngắn thời hạn bảo hiểm; (iv) Thu hẹp phạm vi bảo hiểm cho thời gian còn lại của Hợp đồng bảo hiểm** mà bên mua bảo hiểm không chấp nhận.

+ Sửa đổi, bổ sung các trường hợp Hợp đồng bảo hiểm vô hiệu (Điều 25) gồm: (i**) *Bên mua bảo hiểm không có quyền lợi có thể được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm; (ii) doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm giả tạo; (iii) mục đích, nội dung hợp đồng bảo hiểm vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội*; *(iii) Hợp đồng bảo hiểm không tuân thủ về mặt hình thức theo quy định tại Điều 18 của luật***

+ Bổ sung quy định về trả lãi (khoản 2 Điều 31): ***lãi suất đối với số tiền DNBH chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên theo quy định của BLDS***.

+ Về hình thức giải quyết tranh chấp (Điều 32), ngoài phương thức giải quyết tranh chấp là khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền, **các bên có thể lựa chọn thủ tục hòa giải hoặc thủ tục giải quyết tranh chấp thông qua Trọng tài**.

+ Theo Điều 34, về quyền lợi có thể được bảo hiểm bổ sung quy định ngoài Bản thân bên mua bảo hiểm; Vợ, chồng, cha, mẹ, con của bên mua bảo hiểm; Anh ruột, chị ruột, em ruột hoặc người khác có quan hệ nuôi dưỡng, cấp dưỡng với bên mua bảo hiểm còn có **Người có quyền lợi về tài chính hoặc quan hệ lao động với bên mua bảo hiểm; Người được bảo hiểm đồng ý bằng văn bản cho bên mua bảo hiểm mua bảo hiểm sức khỏe cho mình**.

+ **Các trường hợp không phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm**: Khoản 3 Điều 40 bổ sung quy định trong những trường hợp DNBH không phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm theo khoản 1 Điều 40, ***DNBH phải trả cho bên mua bảo hiểm giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm hoặc toàn bộ số phí bảo hiểm đã đóng sau khi trừ các chi phí hợp lý (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp người thụ hưởng cố ý gây ra sự kiện bảo hiểm cho người được bảo hiểm quy định tại khoản 2 Điều này. Nếu bên mua bảo hiểm chết thì số tiền trả lại được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.***

+ Về trách nhiệm thông báo sự kiện bảo hiểm đối với HĐBH tài sản và HĐBH thiệt hại (Điều 46): Bên mua bảo hiểm phải thông báo cho DNBH khi xảy ra sự kiện bảo hiểm theo thời gian thỏa thuận tại HĐBH. **Trường hợp Bên mua bảo hiểm không hoàn thành nghĩa vụ thông báo theo thỏa thuận và HDBH có quy định về nghĩa vụ thông báo và chế tài khi không hoàn thành nghĩa vụ này, DNBH có quyền giảm trừ số tiền bảo hiểm phải bồi thường tương ứng với thiệt hại mà DNBH phải chịu.**

**6. Về phạm vi kinh doanh, tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm**

- Điểm a khoản 1 Điều 63 bổ sung nội dung hoạt động của DNBH bao gồm **hoạt động nhượng tái bảo hiểm.**

- Điểm b khoản 3 Điều 63 quy định bổ sung nội dung: *doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài kinh doanh các sản phẩm thuộc loại hình bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ 01 năm trở xuống và các sản phẩm bảo hiểm cho rủi ro tử vong có thời hạn từ 01 năm trở xuống;*

- Điều 68 quy định *Nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu cổ phần, phần vốn góp đến 100% vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.*

- Điều 74 quy định những trường hợp thay đổi DNBH phải được BTC chấp thuận hoặc phải thông báo với BTC: ***bỏ quy định thay đổi điều lệ hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, thủ tục mở/chấm dứt chi nhánh, BTC phải cấp giấy phép điều chỉnh mà thay bằng thủ tục thông báo với BTC.***

- Theo khoản 1 Điều 83, Bộ Tài chính có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm vi phạm nguyên tắc đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 82 của Luật này hoặc không còn đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 81 của Luật này

- Về phê chuẩn sản phẩm bảo hiểm: **Luật mới bỏ quy định DNBH phải được BTC phê chuẩn sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, sức khỏe trước khi triển khai mà Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được chủ động, tự chịu trách nhiệm trong xây dựng, thiết kế và phát triển sản phẩm bảo hiểm**. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài **phải đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới, trừ bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.**

**7. Về hoạt động kiểm soát nội bộ, hoạt động đầu tư và nghiệp vụ**

- Điều 90 bổ sung quy định: *DNBH được thuê ngoài với tổ chức, cá nhân khác để thực hiện một phần quy trình, hoạt động KDBH, trừ hoạt động: a) Kiểm soát nội bộ; b) Kiểm toán nội bộ; c) Quản trị rủi ro; d) Tư vấn, giới thiệu, chào bán sản phẩm bảo hiểm, thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm.*

- Đối với hoạt động đầu tư: *Bãi bỏ quy định về danh mục đầu tư do áp dụng mô hình vốn tương ứng với quy mô và mức độ rủi ro; bổ sung quy định về các nguồn vốn đầu tư, nguyên tắc đầu tư, đầu tư ra nước ngoài,... nhằm đảm bảo an toàn, phù hợp với tính chất hoạt động kinh doanh bảo hiểm.* Trong đó, theo khoản 3 Điều 99 Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam **không được phép thực hiện các hoạt động đầu tư sau đây:**

*a) Kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp: mua cổ phiếu của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản niêm yết trên thị trường chứng khoán, chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng; mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ; cho thuê trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng; nắm giữ bất động sản do xử lý trái phiếu có bảo đảm bằng bất động sản, do đối trừ công nợ phải thu bằng bất động sản trong thời hạn 03 năm kể từ ngày nắm giữ;*

*b) Đầu tư kim khí quý, đá quý;*

*c) Đầu tư tài sản cố định vô hình, trừ trường hợp phục vụ cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm của doanh nghiệp, chi nhánh;*

*d) Đầu tư chứng khoán phái sinh hoặc hợp đồng phái sinh, trừ trường hợp chứng khoán phái sinh niêm yết nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm và từ danh mục đầu tư chứng khoán doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam đang nắm giữ.*

- Đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài (Điều 100) bổ sung thêm các hình thức Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm được đầu tư ra nước ngoài dưới hình thức thành lập hoặc góp vốn thành lập, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm ở nước ngoài; thành lập chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm ở nước ngoài; mở văn phòng đại diện và hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài.

- Về kiểm toán độc lâp: Theo khoản 2 Điều 105, Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải **có ý kiến xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập đối với báo cáo đánh giá khả năng thanh toán và quản trị rủi ro; báo cáo tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm; báo cáo hoạt động của quỹ liên kết chung, quỹ liên kết đơn vị, quỹ hưu trí.**

**- Về các biện pháp can thiệp (Điều 111 – Điều 113)**: Bổ sung quy định về an toàn tài chính, trong trường hợp tỷ lệ an toàn vốn ở mức phải áp dụng biện pháp can thiệp, biện pháp cải thiện sớm, biện pháp kiểm soát, quy định trách nhiệm của doanh nghiệp, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ....

**- Về công khai thông tin (Điều 117, 118, 119, 120)**: Bổ sung yêu cầu công khai thông tin định kỳ, công khai thông tin thường xuyên; công khai thông tin bất thường để đảm bảo thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm rõ ràng, minh bạch. Theo đó, Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm công khai thông tin trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.

**- Về vốn**: chuyển sang áp dụng mô hình vốn trên cơ sở rủi ro, phân loại rõ ràng từng loại vốn, yêu cầu doanh nghiệp luôn duy trì tỷ lệ an toàn vốn nhằm đảm bảo vốn tương ứng với quy mô và mức độ rủi ro của các nhóm rủi ro cơ bản.

**- Về khả năng thanh toán**: Bãi bỏ quy định về biên khả năng thanh toán theo mô hình Biên khả năng thanh toán 1, thay thế bằng quy định tỷ lệ an toàn vốn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính phù hợp với mô hình vốn tương ứng quy mô và mức độ rủi ro. Quy định này áp dụng từ 01/01/2018.

**8. Về khai thác bảo hiểm qua kênh đại lý và môi giới**

- Điều 127 bổ sung các nguyên tắc hoạt động đại lý BH bao gồm: **Cá nhân không được đồng thời làm đại lý bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm cùng loại hình bảo hiểm cá nhân đó đang làm đại lý**; Cá nhân hoạt động đại lý bảo hiểm, nhân viên trong tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm chỉ được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm đối với những sản phẩm bảo hiểm đã được đào tạo; Thông tin của cá nhân hoạt động đại lý bảo hiểm và nhân viên trong tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm phải được đăng ký và cập nhật tại cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm quy định tại Điều 11 của Luật này.

- Hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiềm gồm 9 điều (từ Điều 131 -139). Cụ thể:

+ Về nội dung hoạt động: **môi giới bảo hiểm gốc, môi giới tái bảo hiểm, cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm và thực hiện các hoạt động khác liên quan đến hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của bên mua bảo hiểm.**

+ **Bổ sung quy định về nguyên tắc hoạt động môi giới bảo hiểm (Điều 132)**

**+ Bỏ quy định về hoa hồng môi giới bảo hiểm được tính trong phí bảo hiểm. Theo đó, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải thỏa thuận bằng văn bản với khách hàng khi thực hiện cung cấp dịch vụ môi giới bảo hiểm**

**9. Bổ sung quy định về về sản phẩm, tổ chức cung cấp bảo hiểm vi mô để tạo hành lang pháp lý cho việc phát triển bảo hiểm vi mô (Điều 144 -150)**

- Điều 144: Sản phẩm bảo hiểm vi mô

- Điều 146: Tổ chức cung cấp bảo hiểm vi mô gồm Doanhg nghiệp bảo hiểm và tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô do Bộ tài chính cấp phép

**10. Điều khoản chuyển tiếp**

- Theo khoản 2 Điều 157 Chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực sang chứng chỉ đại lý bảo hiểm theo quy định của Luật này. Chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng.

- Về Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài dừng trích nộp Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm.

**11. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, trừ các quy định tại Khoản 3 Điều 86, khoản 4 và khoản 5 Điều 94, Điều 95, khoản 3 và khoản 4 Điều 99, các điều 109, 110, 111, 112, 113, 114 và 116 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2028.